



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
NÔNG SẢN THỰC PHẨM CÀ MAU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

A member of  International

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau tên giao dịch là Ca Mau Agricultural products and foodstuff Import – Export joint stock company (tên viết tắt là Agrimexco) chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau theo Quyết định số 963/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 04 tháng 04 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2000101442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 11 năm 2014.

Trụ sở của Công ty tại: Số 969 Lý Thường Kiệt, phường 6, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thái Nguyên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/01/2017
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/01/2017
Ông Châu Hiếu Dũng	Thành viên	
Ông Dương Việt Hùng	Thành viên	
Ông Huỳnh Văn Vững	Thành viên	
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Vững	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Khánh	Trưởng ban
Bà Tiêu Hồng Cẩm	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Cà Mau, ngày 31 tháng 03 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



hùng
Dương Việt Hùng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau được lập ngày 31 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang lỗ lũy kế là 238.831.663.476 đồng làm cho vốn chủ sở hữu âm 152.196.151.907 đồng, tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 246.814.371.168 đồng; nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 246.626.190.782 đồng; Doanh thu năm nay bị sụt giảm 26,58% so với năm trước, lợi nhuận năm 2017 bị âm 30.632.446.320 đồng. Những sự kiện này cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể xác định rằng giả định này là phù hợp hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

THÀNH ĐƠN
HÀ NỘI

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0522-2018-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thái

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1623-2018-002-2



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.877.183.499	5.329.901.765
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	312.189.962	310.754.217
111	1. Tiền		312.189.962	310.754.217
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.216.114.636	2.851.800.112
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	6.600.947.482	3.983.243.763
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	8.855.626.000	9.329.714.827
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.463.259.050	1.287.234.148
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.725.848.677)	(11.785.848.677)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	7	22.130.781	37.456.051
140	IV. Hàng tồn kho	9	348.878.901	1.697.111.524
141	1. Hàng tồn kho		348.878.901	1.697.111.524
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	470.235.912
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	454.408.558
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	15.827.354
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		94.618.219.261	105.720.269.436
220	II. Tài sản cố định		91.371.181.199	101.722.638.475
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	78.802.908.696	88.763.221.752
222	- Nguyên giá		174.235.338.670	174.545.079.852
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(95.432.429.974)	(85.781.858.100)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	12.568.272.503	12.959.416.723
228	- Nguyên giá		15.131.022.447	15.131.022.447
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.562.749.944)	(2.171.605.724)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		548.794.875	548.794.875
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	548.794.875	548.794.875
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.698.243.187	3.448.836.086
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.698.243.187	3.448.836.086
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		100.495.402.760	111.050.171.201

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		252.691.554.667	232.586.276.788
310	I. Nợ ngắn hạn		252.691.554.667	232.586.276.788
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	3.725.683.862	4.906.946.326
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.080.643.499	50.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	918.979.689	1.399.939.816
314	4. Phải trả người lao động		1.126.435.595	877.110.504
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	363.533.169	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	56.222.666.794	35.167.316.533
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	189.253.612.059	190.184.963.609
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(152.196.151.907)	(121.536.105.587)
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	(152.196.151.907)	(121.536.105.587)
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		66.000.000.000	66.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		66.000.000.000	66.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.986.290.000	3.986.290.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		16.649.221.569	16.649.221.569
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(238.831.663.476)	(208.171.617.156)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		(208.171.617.156)	(170.986.370.351)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(30.660.046.320)	(37.185.246.805)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		100.495.402.760	111.050.171.201

Cà Mau, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lâm Ngọc Nhẫn

Lâm Ngọc Nhẫn

Dương Việt Hùng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017		Năm 2016	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	25.410.201.154	34.610.252.415		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.410.201.154	34.610.252.415		
11	4. Giá vốn hàng bán	22	30.223.237.194	42.818.491.408		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(4.813.036.040)	(8.208.238.993)		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	186.264.859	286.378.398		
22	7. Chi phí tài chính	24	20.990.230.315	20.436.933.535		
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		20.990.230.315	20.025.536.701		
24	8. Chi phí bán hàng	25	953.867.686	2.086.171.451		
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.986.911.102	8.280.521.872		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(30.557.780.284)	(38.725.487.453)		
31	11. Thu nhập khác	27	517.998.580	3.086.954.927		
32	12. Chi phí khác	28	592.664.616	1.492.414.279		
40	13. Lợi nhuận khác		(74.666.036)	1.594.540.648		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(30.632.446.320)	(37.130.946.805)		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(30.632.446.320)	(37.130.946.805)		
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	(4.641)	(5.626)		

Người lập

Kế toán trưởng

Cà Mau ngày 31 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Lâm Ngọc Nhẫn

Lâm Ngọc Nhẫn

Dương Việt Hùng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		41.264.650.270	39.179.791.651
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(29.071.440.557)	(28.773.272.056)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(8.648.041.619)	(9.834.502.970)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		313.505.994	106.117.382
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.268.637.038)	(2.216.428.984)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>590.037.050</i>	<i>(1.538.294.977)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		160.488.636	4.341.743.727
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	4.050.747.378
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		625.953	597.203.644
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>161.114.589</i>	<i>8.989.694.749</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(749.791.550)	(9.203.096.350)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(749.791.550)</i>	<i>(9.203.096.350)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		<i>1.360.089</i>	<i>(1.751.696.578)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		310.754.217	2.067.169.120
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		75.656	(4.718.325)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>312.189.962</u>	<u>310.754.217</u>

Người lập

Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Lâm Ngọc Nhẫn

Lâm Ngọc Nhẫn

Dương Việt Hùng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau tên giao dịch là Ca Mau Agricultural products and foodstuff Import – Export joint stock company (tên viết tắt là Agrimexco) chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau theo Quyết định số 963/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 04 tháng 04 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2000101442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 11 năm 2014.

Trụ sở của Công ty tại: Số 969 Lý Thường Kiệt, phường 6, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 66.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 66.000.000.000 đồng; tương đương 6.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh lương thực, chế biến thủy sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Mua bán hàng công nghệ tiêu dùng, hàng thực phẩm công nghệ, vật tư nông nghiệp. Nhập khẩu hàng tư liệu sản xuất và tiêu dùng, nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủy hải sản;
- Chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông sản thực phẩm;
- Sản xuất các loại bánh từ bột (bánh mì);
- Kinh doanh mua bán bất động sản;
- Dịch vụ ăn uống, rượu, bia, nước giải khát, thuốc lá;
- Dịch vụ vận tải;
- Mua bán xăng, dầu;
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Mua bán hàng kim khí điện máy;
- Cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh hàng lương thực (lúa, gạo) và các phụ phẩm từ lương thực;
- Chế biến hàng lương thực (lúa, gạo).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang lỗ lũy kế là 238.891.600.673 đồng làm cho vốn chủ sở hữu âm 152.256.089.104 đồng, tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 246.874.308.365 đồng; Doanh thu sụt giảm 26,58% so với năm trước, nhiều khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán. Những sự kiện này cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục do Hội đồng Quản trị thống nhất thực hiện tái cơ cấu toàn diện Công ty theo hướng: đẩy mạnh hoạt động gia công hàng thủy sản, tìm kiếm đối tác thực hiện liên doanh tại các xí nghiệp lương thực, đồng thời bán tài sản để cơ cấu tài chính.... Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đảm bảo duy trì liên tục.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực
thuộc sau:

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Thới Bình	Quốc lộ 63, Ấp 3, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Kinh doanh lương thực
Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Tân Thành	Số 969 Lý Thường Kiệt, phường 6, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Chế biến thủy sản
Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh	Số 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ
Cửa hàng tự chọn xã Trí Phải	Quốc lộ 63, ấp 3, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Thương mại
Chi nhánh Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau - Xí nghiệp Chế biến lương thực Cà Mau	Tổ 11, ấp Rạch Cốc, xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh lương thực

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 13	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	31	năm
- Tài sản cố định vô hình khác	08 - 20	năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.